

Số: 47

Ngày 01/12/2025

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 47 có các nội dung đáng chú ý sau:

- [Nghị định 296/2025/NĐ-CP](#) về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
- [Nghị định 300/2025/NĐ-CP](#) quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.
- [Nghị định 306/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán; chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.
- Văn bản dự thảo: Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo.
- Giải đáp pháp luật: [Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân](#) 2025.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHO PHÉP NGƯỜI VIỆT NAM ĐỦ ĐIỀU KIỆN VÀO CHƠI CASINO TẠI MỘT SỐ DỰ ÁN KINH DOANH CASINO

Ngày 26/11/2025, Chính phủ ban hành [Nghị quyết số 08/2025/NQ-CP](#) quy định địa điểm cho phép người Việt Nam đủ điều kiện vào chơi casino; địa điểm, thời gian thực hiện thí điểm cho phép người Việt Nam đủ điều kiện vào chơi casino và chính sách quản lý người Việt Nam đủ điều kiện vào chơi casino.

Nghị quyết cho phép người Việt Nam đủ điều kiện vào chơi casino tại dự án casino Phú Quốc (tỉnh An Giang) kể từ ngày 26/11/2025. Đồng thời, thí điểm cho phép người Việt Nam đủ điều kiện vào chơi casino tại dự án casino Hồ Tràm (Thành phố Hồ Chí Minh) trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 26/11/2025 và tại dự án Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh) trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

Việc quản lý người Việt Nam đủ điều kiện vào chơi casino, kinh doanh và quản lý hoạt động kinh doanh casino tại các dự án casino thực hiện theo [Nghị định số 03/2017/NĐ-CP](#) hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Kết thúc thời gian thí điểm, các dự án casino Hồ Tràm và Vân Đồn dừng cho người Việt Nam đủ điều kiện vào chơi casino cho đến khi có kết luận của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kinh doanh casino.

KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

[Nghị định 300/2025/NĐ-CP](#) ngày 17/11/2025 của Chính phủ quy định khung số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND), số lượng và cơ cấu Ủy viên UBND; trình tự, thủ tục đề nghị phê chuẩn kết quả Hội đồng nhân dân bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và giao quyền Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).

Khung số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh từ 3 đến 7 Phó Chủ tịch UBND đối với mỗi tỉnh, thành phố, được xác định theo đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp năm 2025 và đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp năm 2025 và theo phân loại đơn vị hành chính. Riêng số lượng Phó Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh không quá 08 người, thành phố Hà Nội không quá 05 người và thành phố Huế không quá 04 người.

Đối với cấp xã, số lượng Phó Chủ tịch UBND được xác định theo nguyên tắc bình quân không quá 2,5 Phó Chủ tịch cho mỗi đơn vị hành chính. Căn cứ tổng số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã của toàn tỉnh, thành phố theo quy định này, UBND cấp tỉnh quyết định số lượng cụ thể Phó Chủ tịch UBND của từng cấp xã phù hợp với diện tích tự nhiên, quy mô dân số, phân loại đơn vị hành chính, trình độ phát triển

kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của địa phương nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã của toàn tỉnh, thành phố.

Ủy viên UBND cấp tỉnh, cấp xã gồm người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an.

[Nghị định 300/2025/NĐ-CP](#) cho phép các tỉnh, thành phố hình thành sau sắp xếp năm 2025 có số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh cuối nhiệm kỳ 2021-2026 nhiều hơn số lượng quy định tại Nghị định thì đầu nhiệm kỳ 2026-2031 được giữ nguyên số lượng này nhưng phải có lộ trình giảm dần để đến tháng 7/2030 thì số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện đúng quy định tại Nghị định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

CUNG CẤP VÀ QUẢN LÝ CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ CỦA VIỆT NAM CHO NƯỚC NGOÀI

[Nghị định 305/2025/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành ngày 25/11/2025, quy định về cung cấp và quản lý viện trợ không hoàn lại của Việt Nam cho bên tiếp nhận viện trợ thuộc nhiệm vụ chi viện trợ của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương quy định tại Luật Ngân sách nhà nước [số 83/2015/QH13](#), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi

phạm hành chính [số 56/2024/QH15](#) và Luật Ngân sách nhà nước [số 89/2025/QH15](#).

Viện trợ cho nước ngoài nhằm thực hiện chính sách đối ngoại của Việt Nam và là một bộ phận của dự toán chi ngân sách nhà nước, được Chính phủ quản lý thống nhất trên cơ sở công khai, minh bạch, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Viện trợ được thực hiện thông qua chương trình, dự án hoặc phi dự án bằng các hình thức: Đầu tư xây dựng, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp hàng hóa, viện trợ bằng tiền và các hình thức khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Lĩnh vực ưu tiên cung cấp viện trợ gồm những lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam về chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế và có liên quan đến vấn đề xuyên biên giới; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; phát triển hạ tầng, nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo; đổi mới kinh tế; ứng dụng nghiên cứu khoa học - công nghệ; y tế; văn hóa; hỗ trợ xây dựng pháp luật, quy định, chính sách của bên tiếp nhận viện trợ có ý nghĩa đối với Việt Nam; hỗ trợ nhân đạo bao gồm cứu trợ nhân đạo khẩn cấp; và những lĩnh vực ưu tiên khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Nghị định quy định cụ thể về báo cáo đề xuất cấp viện trợ, quyết định chủ trương viện trợ và quyết định viện trợ; hỗ trợ bên tiếp nhận viện trợ chuẩn bị tiếp nhận viện trợ và đàm phán, ký kết điều ước quốc tế,

thoả thuận về viện trợ, trao đổi văn bản về viện trợ; lập, bố trí, triển khai quản lý đề án, kế hoạch viện trợ; quản lý và thực hiện chương trình, dự án, phi dự án.

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ cho nước ngoài. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về viện trợ cho nước ngoài. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong cung cấp và quản lý viện trợ cho nước ngoài được xác định tại Chương VI của Nghị định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VÀ XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

Ngày 25/11/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định 306/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định 156/2020/NĐ-CP](#) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và [Nghị định 158/2020/NĐ-CP](#) về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 09/01/2026, sửa đổi, bổ sung nhiều quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán. Các hành vi vi phạm như không công bố thông tin đúng hạn, không báo cáo giao dịch, và vi phạm quy định về chào bán, phát hành chứng khoán đều bị xử phạt nghiêm khắc với mức phạt tiền từ 50 triệu đến 1,5 tỷ đồng tùy theo mức độ vi phạm. Cùng với phạt tiền là các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc công bố

thông tin chính xác, hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, và cải chính thông tin sai lệch. Các tổ chức vi phạm có thể bị đình chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán từ 1 đến 3 tháng.

Nhằm đảm bảo an toàn cho tài sản của nhà đầu tư và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động chứng khoán, Nghị định yêu cầu các tổ chức phải quản lý tách biệt tài khoản lưu ký, tài khoản ký quỹ của khách hàng với tài sản của chính tổ chức đó.

Nghị định cũng bổ sung các quy định về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố trong lĩnh vực chứng khoán. Các công ty chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về nhận biết khách hàng, báo cáo giao dịch đáng ngờ và giám sát giao dịch đặc biệt.

Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định với mẫu biểu chi tiết về danh sách thành viên Ban Giám đốc và nhân viên hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, yêu cầu các tổ chức phải cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÁ NHÂN VI PHẠM HÀNH CHÍNH CÓ THỂ BỊ CƯỜNG CHẾ KHẤU TRỪ LƯƠNG HOẶC THU NHẬP

Đây là quy định của [Nghị định 296/2025/NĐ-CP](#) ngày 16/11/2025 về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập gồm cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội

nhân dân, Công an nhân dân, người làm việc trong tổ chức Cơ yếu; cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc có thu nhập theo mùa vụ ngắn hạn do hộ gia đình, hộ kinh doanh, người sử dụng lao động thuê; cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế đang được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

Điều 13 Nghị định quy định tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế. Đối với tiền lương, lương hưu tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, lương hưu thực trả hằng tháng được hưởng sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng. Đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập hằng tháng, nhưng phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng. Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có thể tiến hành nhiều lần.

Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng được hưởng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế để làm căn cứ ra quyết định cưỡng chế.

Cá nhân bị cưỡng chế; cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải

cung cấp thông tin về tiền lương, thu nhập, mức lương hưu hằng tháng của cá nhân bị áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN

Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 301/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 38/2024/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 17/11/2025, bổ sung thêm một số biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với tàu cá vi phạm như sau: Buộc trang bị đầy đủ thiết bị thông tin liên lạc trên tàu cá; buộc khắc phục lỗi kỹ thuật của thiết bị giám sát hành trình tàu cá; buộc khắc phục sự cố tín hiệu thiết bị giám sát hành trình tàu cá; buộc gửi đầy đủ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá đến Hệ thống giám sát tàu cá; buộc chủ tàu cá lắp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá.

Nghị định cũng quy định cụ thể hơn theo hướng tăng mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng trong khai thác thủy sản, vi phạm quy định về vùng khai thác thủy sản, vi phạm quy định về thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá, vi phạm quy định về đánh dấu tàu cá. Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng về

giấy tờ và điều kiện hoạt động trong khai thác thủy sản, mức phạt tối đa là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân. Trường hợp tổ chức có hành vi vi phạm như của cá nhân thì mức phạt tiền bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Đối với hành vi khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực mà không có Giấy phép khai thác thủy sản hoặc Giấy phép hết hạn hoặc không có giấy chấp thuận hoặc giấy chấp thuận hết hạn thì căn cứ để xử lý bao gồm: Bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý đối với hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài về việc tàu cá, ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý do khai thác thủy sản trái phép tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác.

Việc phân định trách nhiệm xác minh, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm gắn với phương tiện vi phạm là tàu cá được áp dụng theo nguyên tắc sau: Trường hợp tàu cá đang hoạt động trên biển, cơ quan có thẩm quyền, lực lượng thực thi pháp luật nào phát hiện, bắt giữ tàu cá, thụ lý đầu tiên thì lực lượng đó có trách nhiệm chủ trì xác minh, xử lý, đồng thời thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản của địa phương nơi đăng ký tàu cá về việc thụ lý, xử lý hành vi vi phạm. Trường hợp tàu cá đã về bờ, cơ quan có thẩm quyền, lực lượng thực thi pháp luật của địa phương

nơi tàu cá đó neo đậu có trách nhiệm chủ trì xác minh, xử lý, đồng thời thông tin đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản của địa phương nơi đăng ký tàu cá về việc thụ lý, xử lý hành vi vi phạm.

GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại [Quyết định số 2530/QĐ-TTg](#) ngày 19/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2026-2030 là kiểm soát, cải thiện chất lượng môi trường không khí trên toàn quốc; 100% phương tiện giao thông đường bộ được quản lý, kiểm soát khí thải theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải; 100% các nguồn phát sinh khí thải lớn thuộc các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí cao được kiểm soát và từng bước có lộ trình giảm phát thải; hạ tầng giao thông đô thị được hoàn thiện đồng bộ, đáp ứng định hướng tăng dần tỷ lệ giao thông xanh, giao thông công cộng; hệ thống giao thông công cộng được đầu tư, nâng cấp, chuyển sang sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường...

Một mục tiêu đáng chú ý là các tỉnh, thành phố thực hiện chuyển đổi, nâng cấp phương tiện giao thông công cộng theo [Quyết định số 876/QĐ-TTg](#) ngày 22/7/2022 về phê duyệt Chương trình hành động về

chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí mêtan của ngành giao thông vận tải. Trong đó, đến năm 2030, tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh, 100% phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh; ban hành và thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách bằng xe công nghệ chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường.

Kế hoạch cũng đặt mục tiêu 100% các công trường thi công xây dựng và chất thải phát sinh được quản lý chặt chẽ; chấm dứt hoạt động đốt rác và phụ phẩm nông nghiệp ngoài trời không đúng quy định; phấn đấu 100% phụ phẩm trong sản xuất trồng trọt trên đồng ruộng được tái sử dụng, tái chế; 100% các cơ sở tâm linh, tôn giáo có giải pháp giảm bụi, khí thải từ đốt vàng mã; phấn đấu đến năm 2030, cả nước có 1.200 công trình xây dựng xanh; hình thành và đưa vào hoạt động "Hệ thống Cảnh báo, dự báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí quốc gia".

Kế hoạch đưa ra 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp. Đó là hoàn thiện chính sách pháp luật về kiểm soát, quản lý chất lượng môi trường không khí; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; kiểm soát, giảm thiểu nguồn phát sinh khí thải từ hoạt động công nghiệp; quản lý phát thải từ hoạt động giao thông, tăng cường hệ thống giao thông công cộng và chuyển đổi giao thông xanh, thân thiện môi trường; quản lý hoạt động xây dựng, tăng cường vệ sinh khu vực công cộng, khu dân cư tập

trung, xây dựng cảnh quan đô thị thông minh và góp phần cải thiện chất lượng môi trường không khí; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động đốt mở; xây dựng năng lực quan trắc, cảnh báo, dự báo nhằm kiểm soát phát thải và vận hành Hệ thống cảnh báo, dự báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí quốc gia; thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm; tăng cường hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thông tin và truyền thông.

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA ĐỂ HỖ TRỢ, ỨNG PHÓ MƯA, LŨ TẠI TRUNG BỘ

Ngày 21/11/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành [Công điện 226/CD-TTg](#) về việc tăng cường công tác quản lý và sử dụng hàng dự trữ quốc gia để hỗ trợ, ứng phó mưa, lũ tại khu vực Trung Bộ.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính rà soát các mặt hàng dự trữ quốc gia bảo đảm chủng loại, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu xuất cấp ngay trong tình huống đột xuất, cấp bách, phục vụ phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, mưa lũ, sạt lở... tổng hợp nhu cầu về hàng dự trữ quốc gia của địa phương để quyết định ngay việc xuất cấp hỗ trợ, cứu trợ, bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, đúng đối tượng, chủng loại, số lượng, chất lượng và đến tay người dân vùng bị ảnh hưởng sớm nhất có thể; tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế dự trữ quốc gia bảo đảm đồng bộ, chủ động chuẩn bị các nguồn lực, năng lực dự trữ, hỗ trợ nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống. Bộ Quốc phòng và Bộ

Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương rà soát và chủ động xuất cấp hàng dự trữ thuộc lĩnh vực quản lý để hỗ trợ công tác khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn; huy động lực lượng, phương tiện nhằm vận chuyển, bảo quản, phân phối hàng đến các khu vực ngập sâu, bị chia cắt; bảo đảm an ninh trật tự trong quá trình tiếp nhận và phân phát hàng cứu trợ. Các Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Y tế được giao chuẩn bị đầy đủ hàng dự trữ theo kế hoạch, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các địa phương và tổ chức xuất cấp, vận chuyển theo quy định, bảo đảm kịp thời và thuận tiện.

Các đơn vị dự trữ quốc gia được yêu cầu sẵn sàng phương tiện, nhân lực để vận chuyển, giao nhận hàng dự trữ quốc gia 24/24; tổ chức giao

hàng đúng địa điểm quy định, bảo đảm an toàn.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Lâm Đồng phải theo dõi sát diễn biến thiên tai trên địa bàn; chủ động báo cáo, xác định chính xác nhu cầu cấp thiết về hàng dự trữ quốc gia trong và sau mưa lũ để kịp thời đề xuất hỗ trợ; tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng hàng dự trữ quốc gia được cấp đúng mục đích, đúng đối tượng. Các cấp chính quyền cơ sở tổ chức phân bổ trực tiếp đến từng hộ dân, người dân bị ảnh hưởng, chú ý các hộ nghèo, gia đình chính sách và người dân tại các vùng bị cô lập, đảm bảo hỗ trợ nhanh chóng, kịp thời, công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

ƯU ĐÃI THUẾ CHO DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ TỪ 01/01/2026

Tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp được quy định chi tiết tại [Thông tư 33/2025/TT-BKHHCN](#) ngày 15/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thông tư quy định chi tiết khoản 5 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến dự án sản xuất thiết bị điện tử tại Việt Nam.

Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: Tiêu chí sử dụng các sản phẩm chip bán dẫn được thiết kế, sản xuất hoặc đóng gói, kiểm thử tại Việt Nam trong các sản phẩm của dự án sản xuất thiết bị điện tử; Tiêu chí về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Sản phẩm của dự án sản xuất thiết bị điện tử tại Việt Nam có thiết kế (bao gồm đặc tả yêu cầu, kiến trúc hệ thống, thiết kế chi tiết, sơ đồ nguyên lý, bố trí mạch in và các tài liệu kỹ thuật liên quan) thuộc sở hữu của chính doanh nghiệp, trong đó, quyền sở hữu được thiết lập thông qua việc tự thực hiện

việc thiết kế hoặc thuê người khác trong đó có người Việt Nam thực hiện việc thiết kế hoặc mua thiết kế đó từ các chủ thể khác; Tiêu chí về phát triển chuỗi cung ứng trong nước và chuyển giao công nghệ.

Nội dung của các tiêu chí trên được miêu tả chi tiết tại Điều 3 của Thông tư.

CHẤN CHỈNH VIỆC NỘP HỒ SƠ MUA, BÁN NHÀ Ở XÃ HỘI

Trước tình trạng việc nộp hồ sơ mua, thuê mua nhà ở xã hội gây mất trật tự và làm phát sinh nhiều hoạt động môi giới trái phép, Bộ Xây dựng đã ra [Công văn số 13732/BXD-QLN](#) ngày 19/11/2025 về chấn chỉnh việc nộp hồ sơ mua, bán nhà ở xã hội.

Bộ Xây dựng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan đôn đốc các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa dự án vào kinh doanh. Các dự án phải công khai đầy đủ thông tin như quy mô, số lượng căn hộ, giá bán, giá thuê, mua. Thông tin bắt buộc được đăng tải đồng thời trên website của Sở Xây dựng, UBND cấp xã nơi có dự án và ít nhất một lần trên báo địa phương. Thời gian nhận hồ sơ tối thiểu 30 ngày trước khi mở tiếp nhận. Chủ đầu tư phải bố trí nhiều điểm tiếp nhận, phân chia theo khung giờ, ngày hoặc khu vực dân cư để tránh tập trung đông người. Trường hợp lượng hồ sơ vượt khả năng tiếp nhận, cần có phương án dự phòng và thông báo kịp thời trên các

phương tiện truyền thông, khuyến khích áp dụng công nghệ số để giảm tải áp lực.

Các cơ quan chức năng phải hướng dẫn người dân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, tránh phải bổ sung, đi lại nhiều lần. Lực lượng công an địa phương cần phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, phân luồng giao thông và ngăn ngừa tình trạng tụ tập đông người.

Danh sách người được mua, thuê mua nhà ở xã hội phải được công khai sau khi ký hợp đồng và cập nhật trên trang thông tin điện tử để phục vụ công tác hậu kiểm, tránh trùng lặp đối tượng.

Bộ Xây dựng cũng yêu cầu xử lý nghiêm các hành vi môi giới trái phép, thu tiền “giữ chỗ”, phí “bảo đảm hồ sơ trúng”, rao bán “suất ngoại giao” và công bố công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm. Tăng cường hậu kiểm, xử lý nghiêm, thu hồi căn hộ đối với các trường hợp kê gian dối, chuyển nhượng trái quy định hoặc không đúng đối tượng.

Người mua nhà ở xã hội được khuyến cáo chủ động tìm hiểu quy định pháp luật, chỉ tiếp cận thông tin từ các kênh chính thống như Sở Xây dựng, UBND cấp xã hoặc trang thông tin của chủ đầu tư. Bộ Xây dựng nhấn mạnh người dân không nên giao dịch qua môi giới, “cò mồi”, không tin vào các “suất ngoại giao, suất nội bộ”, đồng thời phải kê khai trung thực và chỉ nộp hồ sơ tại một dự án.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Dự thảo Luật Trí Tuệ nhân tạo gồm 8 chương và 36 điều do Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo, quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan; và quản lý nhà nước đối với các hoạt động trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam.

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động phát triển, cung cấp, triển khai, sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam, hoặc có hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra kết quả được sử dụng tại Việt Nam.

Mọi hoạt động nghiên cứu, phát triển, cung cấp và sử dụng trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam phải lấy con người làm trung tâm, bảo đảm trách nhiệm, kiểm soát và khả năng can thiệp của con người, bảo đảm an toàn, công bằng, minh bạch, bảo mật thông tin, tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức và giá trị văn hoá Việt Nam, phát triển tự chủ, hợp tác và hội nhập quốc tế hài hòa, phù hợp với nguyên tắc, chuẩn mực và thông lệ toàn cầu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo gắn với phát triển xanh.

Dự thảo luật Trí tuệ nhân tạo cũng thiết lập khung chế tài đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo. Theo đó, tổ chức và cá nhân vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả, có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; đồng thời phải bồi

thường thiệt hại. Đối với một số hành vi vi phạm nghiêm trọng, mức phạt tối đa được tính theo tỷ lệ doanh thu. Cụ thể, tổ chức vi phạm có thể bị phạt tối đa 2% doanh thu tại Việt Nam của năm liền kề trước đó. Trường hợp tái phạm, mức phạt có thể áp dụng tối đa 2% tổng doanh thu toàn cầu của năm trước. Trong trường hợp tổ chức không phát sinh doanh thu hoặc mức phạt tính theo doanh thu thấp hơn ngưỡng tiền phạt cố định, cơ quan chức năng sẽ áp dụng mức phạt tiền theo khung quy định. Đối với các hành vi vi phạm không thuộc nhóm vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, mức phạt tiền tối đa là 2 tỉ đồng đối với tổ chức. Cá nhân thực hiện cùng hành vi vi phạm sẽ chịu mức phạt tối đa bằng một nửa mức áp dụng cho tổ chức.

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số gồm 5 chương và 30 điều do Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo.

Dự thảo quy định các tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

Dự thảo Nghị định đưa ra nguyên tắc xét duyệt thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Đó là bảo đảm tính tự nguyện,

bình đẳng giữa các tổ chức, doanh nghiệp và bảo đảm công khai, minh bạch về tiêu chí, điều kiện và quy trình lựa chọn. Sản phẩm, dịch vụ được đề nghị thử nghiệm phải là sản phẩm ứng dụng công nghệ số, có tính đổi mới sáng tạo, chưa có quy định điều chỉnh hoặc khác với quy định hiện hành, có phương án quản lý rủi ro, bảo vệ người tiêu dùng và có khả năng triển khai ra thị trường sau khi thử nghiệm.

Dự thảo cũng xác định quyền hạn của các cơ quan cho phép thử nghiệm các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép thử nghiệm trong phạm vi địa bàn. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Bộ Quốc phòng

cấp phép đối với thử nghiệm liên tỉnh hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp liên quan nhiều ngành, lĩnh vực thì Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan có thẩm quyền.

Thời gian thử nghiệm tối đa 3 năm và chỉ được gia hạn một lần tối đa 3 năm. Không gian thử nghiệm có thể giới hạn trong một hoặc nhiều khu vực, tỉnh hoặc phạm vi nhất định trên môi trường điện tử. Việc tạm dừng thử nghiệm được áp dụng khi có nguy cơ xảy ra sự cố hoặc cần bổ sung biện pháp kiểm soát rủi ro, và thời gian tạm dừng không tính vào thời hạn thử nghiệm.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Dữ liệu cá nhân sẽ được xóa, hủy trong các trường hợp nào?

Trả lời: Ngày 26/6/2025, Quốc hội đã thông qua [Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân](#). Luật có hiệu lực từ ngày 1/1/2026.

Theo [khoản 1 Điều 14](#) của Luật này, dữ liệu cá nhân sẽ được xóa, hủy trong các trường hợp: Chủ thể dữ liệu cá nhân có yêu cầu và chấp nhận các rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra đối với mình; Đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân; Hết thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật; Thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Thực hiện theo thỏa thuận; Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: Bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân được cung cấp dữ liệu cá nhân trong các trường hợp nào?

Trả lời: Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân cung cấp dữ liệu cá nhân trong các trường hợp quy định tại [khoản 2 Điều 15](#) Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thứ nhất là cung cấp cho chủ thể dữ liệu cá nhân theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân phù hợp quy định của pháp luật, thỏa thuận với chủ thể dữ liệu, trừ trường hợp việc cung cấp đó có thể gây tổn hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Thứ hai là cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi được chủ thể dữ liệu cá nhân

nhân đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Hỏi: *Trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng người lao động?*

Trả lời: [Khoản 2 Điều 25](#) Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng người lao động. Cụ thể, phải tuân thủ quy định của Luật này, pháp luật về lao động, việc làm, pháp luật về dữ liệu và quy định khác của pháp luật có liên quan. Dữ liệu cá nhân của người lao động phải lưu trữ trong thời hạn theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận; và phải xóa, hủy khi chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp theo thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Hỏi: *Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ mạng xã hội có được yêu cầu cung cấp hình ảnh giấy tờ tùy thân làm xác thực tài khoản không?*

Trả lời: Theo [khoản 2 Điều 29](#) Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ mạng xã hội, dịch vụ truyền thông trực tuyến không được yêu cầu cung cấp hình ảnh, video chứa nội dung đầy đủ hoặc một phần giấy tờ tùy thân làm yếu tố xác thực tài khoản.

Như vậy, kể từ ngày 1/1/2026, các nền tảng mạng xã hội không được sử dụng Căn cước công dân, hộ chiếu... dưới dạng ảnh/video làm phương tiện xác minh tài khoản của người dùng.